

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1642018/HNGĐ
Ngày 19/7/2018
Về việc: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẮNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hoàng

2. Ông Nguyễn Công phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trúc Mai** – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 55/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2018 về việc: “Xin ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị Khánh L – sinh năm 1985 (có mặt).

Trú tại: Tổ 2, thôn H, xã B, T, Quảng Nam.

Bị đơn: Anh Đỗ Minh Q – sinh năm 1986 (có mặt).

Trú tại: Tổ 2, thôn H, xã B, T, Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Khánh L trình bày:*

Tôi và anh Đỗ Minh Q tự tìm hiểu và kết hôn năm 2011 có đăng ký tại UBND xã B, huyện T, Quảng Nam. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do anh Q thường xuyên uống rượu về đánh đập chửi bới, xúc phạm tôi nhiều lần dù tôi đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Q vẫn không thay đổi và hiện nay vợ chồng tôi đã sống ly thân được 10 tháng không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay tôi thấy cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên tôi tha thiết xin tòa cho tôi được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Thị Nghi D – sinh ngày 10/4/2013 nguyện vọng xin nuôi con và tôi không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu tòa điều chỉnh.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Đỗ Minh Q trình bày tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên Tòa:* Về thời gian, điều kiện kết hôn tôi đồng ý với lời trình bày của vợ còn về nguyên nhân mâu thuẫn thì vợ chồng không hợp, vợ chồng tôi sống ly thân khoảng 10 tháng không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay cô L xin ly hôn, tôi đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Thị Nghi D – sinh ngày 10/4/2013 nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Hiện nay con đang ở với tôi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Khánh L và anh Đỗ Minh Q.

Về con chung: Xử giao cho chị Trần Thị Khánh L nuôi con Đỗ Thị Nghi D – sinh ngày 10/4/2013 đến 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Khánh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Chị L, anh Q có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Khánh L và anh Đỗ Minh Q thống nhất vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu tòa điều chỉnh nên đề nghị Tòa không xét.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Đỗ Minh Q cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị Khánh L và anh Đỗ Minh Q tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, như vậy hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng tính tình không hợp, luôn bất đồng về quan điểm và cách sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm lẫn nhau và chị L anh Q đã sống ly thân gần 10 tháng. Nay chị L anh Q thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đều xin được thuận tình ly hôn. Việc xin thuận tình ly hôn của chị L, anh Q Phù hợp với Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về con chung: Chị L, anh Q có 01 con chung tên là 01 con chung tên Đỗ Thị Nghi D – sinh ngày 10/4/2013, chị L có nguyện vọng xin nuôi con chung, anh Q cũng có nguyện vọng xin nuôi con Đỗ Thị Nghi D. Xét yêu cầu của chị L, anh Q thì thấy: Chị L, anh Q đều có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định nên việc chị L, anh Q đều có nguyện vọng xin nuôi con là chính đáng. Từ trước đến nay cháu Đỗ Thị Nghi D sống với mẹ hơn nửa bản thân cháu D là cháu gái còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, xét giao cho chị Trần Thị Khánh L nuôi con Đỗ Thị Nghi D đến 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81, 82, 83 luật HN&GD Việt Nam

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Khánh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Khánh L và anh Đỗ Minh Q thống nhất vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu tòa điều chỉnh nên không xét.

Về nợ chung: Chị Trần Thị Khánh L và anh Đỗ Minh Q khai không có nợ chung nên HĐXX không xét.

Án phí LHST: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng y) xét buộc chị Trần Thị Khánh L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng chị Trần Thị Khánh L đã nộp theo biên lai thu số 0020598 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51; Điều 55, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ vợ chồng: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Khánh L và anh Đỗ Minh Q.

2/ Về con chung: Xử: Giao cho chị Trần Thị Khánh L nuôi con chung tên là Đỗ Thị Nghi D – sinh ngày 10/4/2013 đến 18 tuổi trưởng thành.

Chị Trần Thị Khánh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.
Anh Q có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3/ Về tài sản chung: Chị Trần Thị Khánh L và anh Đỗ Minh Q thống nhất vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu tòa điều chỉnh nên không xét.

4/ Về nợ chung: Chị Trần Thị Khánh L và anh Đỗ Minh Q khai không có nợ chung nên HĐXX không xét.

5/ Án phí LHST: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng y*) xét buộc chị Trần Thị Khánh L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng chị Trần Thị Khánh L đã nộp theo biên lai thu số 0020598 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện T
- THADS huyện T
- Những người tham gia tố tụng
- UBND Xã B.
- Lưu hồ sơ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa